

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH NAM INVEST DEVELOPMENT INFRASTRUCTURE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108544372

3. Ngày thành lập: 11/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 158 phố Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm môi giới, đấu giá ô tô và xe có động cơ khác).	4513
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm môi giới, đấu giá ô tô và xe có động cơ khác).	4530
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649

7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Bán buôn phần mềm;	4651
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
9.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp Thiết kế cơ- điện công trình Thiết kế cấp - thoát nước công trình Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất công trình Giám sát công tác xây dựng Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng- công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Xác định thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng, phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá công xây dựng; Đo bóc khối lượng Xác định thẩm tra dự toán xây dựng Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng; quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Thẩm tra thiết kế xây dựng Kiểm định xây dựng Tư vấn quản lý dự án	7110

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
11.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển	5229
14.	Xuất bản phần mềm	5820
15.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet Dịch vụ thương mại điện tử	6190
16.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chỉ bao gồm: Tư vấn môi trường.	7490
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
19.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
20.	Xây dựng công trình điện	4221
21.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
22.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
23.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
25.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
26.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
28.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

29.	Sản xuất giày, dép	1520
30.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt	2599
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629(Chính)
34.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy văn phòng phẩm và các sản phẩm khác từ giấy và bìa;	1709
35.	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn	3290
36.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
37.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ ĐÀO	Xóm Hồng Nam, Xã Nam Hồng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	60,000	162962820	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	60,000		
2	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Xóm Hồng Nam, Xã Nam Hồng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	036183003735	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

Thời gian đăng từ ngày 11/12/2018 đến ngày 10/01/2019

3	VŨ KHÁNH BÌNH	Xóm Đồng Trạch, Xã Nghĩa Lợi, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	162845928	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ ĐÀO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162962820

Ngày cấp: 24/10/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Hồng Nam, Xã Nam Hồng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Hồng Nam, Xã Nam Hồng, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội